

Bản án số: 352/2023/DS-PT

Ngày: 24/8/2023

V/v “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2431/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1957; (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B (Ông B là chồng của bà U đã chết năm 2015) gồm:

1/ Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980; (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2/ Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh P ủy quyền cho bà Lê Thị U tham gia tố tụng tại Tòa án

3/ Anh Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1988; (Có mặt).

4/ Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992; (Có mặt).

5/ Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996; (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Anh H ủy quyền cho bà Lê Thị U tham gia tố tụng tại Tòa án)

2. Bị đơn:

- Ông Liêu Văn S, sinh năm 1944; (Có mặt).

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1946;

Cùng nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Bà T ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng tại Tòa án)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1942;

Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Liêu Hoàng V, sinh năm 1966;

- Chị Liêu Hoàng Kim V, sinh năm 1993;

Cùng nơi cư trú: ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông V, chị V: Ông Liêu Thành N, sinh năm 1982, địa chỉ hiện nay: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1935;

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bà Bùi Thị B, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà B: Bà Huỳnh Thị Thùy G, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Công T – Chủ tịch UBND huyện T. (Yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

*** Người kháng cáo:**

1/ Bà Lê Thị U, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2/ Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3/ Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Anh Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1988;

5/ Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992;

6/ Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996;
Cùng nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo bản án sơ thẩm:***

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị U (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh H) trình bày:

Vào năm 1978 bà được cha mẹ là ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 cho một căn nhà cấp 4 và đất thuộc thửa đất 823, tờ bản đồ số 2, diện tích 129 m², tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, khi cho không có làm giấy tờ. Sau khi cha mẹ bà chết thì năm 1993 bà đi kê khai đăng ký và năm 1995 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/5/1995. Đến năm 2008 được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này bà đã có chồng nên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà và chồng bà là ông Nguyễn Thanh B cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 thì thửa đất 823, tờ bản đồ số 2 có diện tích 129 m² được đổi thành thửa 143, tờ bản đồ 15 có diện tích 150,1 m² (diện tích tăng 21,1 m²). Năm 1992 chị của bà là bà Lê Thị T và chồng là ông Liêu Văn S làm nghề buôn bán tạp hóa ở ấp K, xã Đ, không có nơi chứa hàng hóa nên chị T hỏi mượn căn nhà để làm kho chứa, việc cho mượn không có làm giấy tờ vì đây là quan hệ trong nội tộc gia đình. Hơn nữa, bà cũng muốn giúp cho anh chị giải quyết khó khăn của gia đình nên không có đặt vấn đề cho thuê mà chỉ cho mượn tạm ở nhờ. Ngày 04/7/2017 bà có thông báo bằng lời nói cho ông S và bà T đến ngày 24/02/2018 (06 tháng sau) trả nhà để bà cất lại vì nhà đã xuống cấp trầm trọng, do bà T, ông S không di dời nên bà làm đơn yêu cầu và đã nhiều lần hòa giải tại xã Đ nhưng không thành. Vì căn nhà và đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình bà đã được nhà nước công nhận. Do vậy gia đình bà làm đơn này khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định.

Việc ông S cho rằng bà có đồng ý cho một phần đất, nhà cho bà L là không có; còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và ông B thì bà không có đưa cho bà L mà do UBND xã Đ giao cho ông V và ông V giao cho bà L như thế nào thì bà không biết.

Bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Liêu Văn S, bà Lê Thị T phải di dời đồ đạc trong ngôi nhà để trả lại cho gia đình bà được quyền sử dụng một căn nhà mái tol, vách lá, nền xi măng trên phần đất có diện tích 147,1 m² (ký hiệu

143, 143a, 143b, 143c, 143d), tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trong phần đất thuộc một phần thửa 143 có diện tích 5,6 m² (ký hiệu 143d) hiện tại do ông T và bà B đang sử dụng, bà xác định quyền sử dụng đất này là của gia đình bà, trên phần đất hiện nay có 01 bồn chứa nước khoảng 2.000 lít; 01 bồn chứa nước 500 lít; 01 cây lá cách; 01 chậu nguyệt quế; 01 chậu mai thì bà yêu cầu bà B tự tháo dỡ, di dời để trả phần đất cho gia đình bà được quyền sử dụng có diện tích 5,6 m² (ký hiệu 143d), bà không đồng ý bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra.

Nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích 21,1 m² của 02 lần cấp giấy cho bà đã được Hội đồng đo đạc đất xác nhận do năm 1993 đo thủ công đến năm 2004 đo theo Vlap thì độ chính xác đo bằng máy nên mới có sự chênh lệch diện tích, bà xác định không có mua thêm đất, hội đồng đo đất có ý kiến kết luận đề nghị cấp theo số liệu đo đạc mới nên diện tích là 150,1 m².

Bà không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L.

Nay bà đồng ý với kết quả đo đạc và định giá, bà không yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh N thống nhất với lời trình bày của bà U.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Liêu Văn S, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị T, trình bày:

Vào năm 1992, bà Nguyễn Thị H2 (là mẹ của bà T, bà L và bà U) có nói với ông Liêu Hoàng V (là con trai của bà T) cùng vợ Phạm Thị Bé H về ở cùng bà tại căn nhà số ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre để chăm sóc lúc bà đau bệnh và thuận tiện trong việc đưa đi khám bác sĩ.

Căn nhà 20/3 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn H1 được chia làm hai phần cho hai người con gái là bà Lê Thị L và bà Lê Thị U mỗi người một căn. Đến năm 1978, do hoàn cảnh nên bà Lê Thị L về quê chồng cư ngụ ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang và đến năm 1991 bà Lê Thị U cũng về sống ở quê chồng tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, không ai ở căn nhà nên ông Liêu Hoàng V vẫn sống ở đó để chăm sóc nhà cửa.

Đến năm 2009-2010, bà Lê Thị U đồng ý cho bà Lê Thị L bán một phần đất, nhà mà cha mẹ đã cho phần bà L. Qua sự đồng ý của bà U nên ông Liêu Hoàng V đã mua lại phần đất, nhà của bà L với giá trị 6 lượng vàng, quy ra tiền là 225.000.000 đồng theo thời giá lúc đó. Qua thỏa thuận của bà L và bà U nên

Liêu Hoàng V đã đưa trước 100.000.000 đồng cho bà L tại nhà bà U ở ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre với sự chứng kiến của bà U và ông Nguyễn Thanh B.

Do đó, theo yêu cầu khởi kiện của bà U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N yêu cầu ông, bà T phải di dời đồ đạc trong ngôi nhà để trả lại toàn bộ căn nhà mái tol, vách lá, nền xi măng trên phần đất có diện tích 147,1 m² (ký hiệu 143, 143a, 143b, 143c, 143d), tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre thì ông S, bà T không đồng ý mà ông S, bà T chỉ đồng ý tự nguyện di dời toàn bộ tài sản để trả lại một phần đất có diện tích 68,3 m² (ký hiệu 143a), tờ bản đồ 15 và căn nhà gắn liền với phần đất này.

Về phần đơn yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L yêu cầu gia đình bà Lê Thị U giao trả một phần đất và nhà có diện tích 73,2 m² thì yêu cầu Tòa án xem xét; còn việc thỏa thuận mua bán đất và nhà giữa bà L và Liêu Hoàng V thì ông V đồng ý sẽ tự thỏa thuận với bà L.

Nay ông, bà T đồng ý với kết quả đo đạc và định giá, ông không yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Theo đơn yêu cầu độc lập, đơn yêu cầu độc lập bổ sung, qua quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L, anh Liêu Hoàng V, chị Liêu Hoàng Kim V là anh Liêu Thành N trình bày:

Cha bà Lê Thị L là ông Lê Văn H (đã chết năm 1984) và mẹ bà L là bà Nguyễn Thị H1 (đã chết năm 2008) chung sống với nhau có 06 con chung. Lúc sinh thời cha và mẹ bà L có tạo lập một phần tài sản chung như đất và nhà ở, cha mẹ bà L có cho đất ruộng cho 04 người con (Lê Thị H, Lê Văn B, Lê Thị T và Lê Văn X) và đã tách quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại là 129 m² và 02 căn nhà trên phần đất, mỗi căn có diện tích khoảng 64,5 m², nhà mái lợp tol, nền xi măng, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đến khoảng năm 1960, cha mẹ có cho bà L một căn (căn nhà ở phía ngoài) và bà L có chồng là ông Lê Văn U cùng sống chung ở căn nhà này. Đến năm 1974 chồng bà L qua đời, đến năm 1978 vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà L cùng các con về quê chồng sinh sống tại ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang cho đến nay.

Đến khoảng năm 1980, bà Lê Thị U có chồng và được cha mẹ cho một căn nhà còn lại (căn nhà ở phía trong) để vợ chồng sinh sống, năm 1991 bà U về sống tại quê chồng ở ấp M, xã Đ, huyện T cho tới ngày nay.

Năm 1992, mẹ bà L là bà Nguyễn Thị H có kêu đưa cháu tên là Liêu Hoàng V (con của bà Lê Thị T) về ở trong hai căn nhà nói trên cho đến nay. Sự việc này có cô, bác bên cạnh hiểu biết rõ như bà Liêu Thị P, bà Bùi Thị B, ông Bùi Văn T và đồng thời kèm theo xác nhận.

Đến năm 1995 bà Lê Thị U đã tự ý đăng ký quyền sử dụng đất hết diện tích là 129 m² và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa số 823, tờ bản đồ số 02 vào ngày 24/5/1995 do bà Lê Thị U đứng tên.

Đến năm 2008 bà Lê Thị U đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên chồng là ông Nguyễn Thanh B cùng bà U đứng tên, từ diện tích 129 m² đổi thành 150,1 m², trong đó có cả diện tích đất của cha mẹ cho bà L mà không thông báo cho bà L biết và chưa được sự đồng ý của bà L và anh chị em trong gia đình.

Đến khoảng năm 2009 - 2010 do hoàn cảnh khó khăn, bà L muốn sang cho bà U phần căn nhà và đất mà cha mẹ bà L đã cho nhưng bà U kêu bà L sang lại cho cháu ruột là Liêu Hoàng V với số tiền là 225.000.000 đồng. Cháu V đã đặt cọc cho bà L 100.000.000 đồng tại nhà của bà Lê Thị U, bà U cũng đồng ý thống nhất và đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để cho cháu V đi làm thủ tục tách thửa và sang tên chuyển nhượng. Khi đến cơ quan có thẩm quyền thì mới biết do diện tích đất chiều ngang không đủ nên không tách thửa được để sang tên cho cháu V.

Thời gian kéo dài và bà L đã nhiều lần gặp bà Lê Thị U để thỏa thuận và yêu cầu tách phần đất của bà L nhưng bà Lê Thị U không đồng ý ký tên tách thửa, từ đó xảy ra tranh chấp.

Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T xem xét giải quyết như sau:

1. Buộc bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh B gồm các con: Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh N giao trả lại cho bà L diện tích đất 73,2 m² (kí hiệu 143 có diện tích 64,6 m²; kí hiệu 143b có diện tích 5,0 m²; kí hiệu 143c có diện tích 3,6 m²) thuộc một phần thửa đất số 143 tại tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 143, tờ bản đồ số 15 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B, thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 15, diện tích 150,1 m² theo giấy chứng nhận số H01250 do UBND huyện T cấp ngày 04/02/2008.

Về việc mua bán đất giữa bà L và anh V thì anh V không yêu cầu xem xét giải quyết, anh V sẽ tự thỏa thuận với bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị B là bà Huỳnh Thị Thùy G trình bày:

Một phần thửa 143 có diện tích 5,6 m² (ký hiệu 143d) hiện tại do bà Bùi Thị B trực tiếp sử dụng, quyền sử dụng đất của phần đất này là của ông Bùi Văn T đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 413 QSDĐ/174QĐ-UB vào ngày 24 tháng 5 năm 1995 thuộc thửa 828, tờ bản đồ số 2. Đất của bà U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 930 QSDĐ/174QĐ-UB vào ngày 24 tháng 5 năm 1995 có diện tích 129 m² thuộc thửa 823, tờ bản đồ số 2. Sau đó, bà U yêu cầu cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01250 vào ngày 04 tháng 02 năm 2008 cho bà U và ông B thuộc thửa mới 143 tờ bản đồ 15 có diện tích là 150,1 m² loại đất ONT. Như vậy, diện tích đất của gia đình bà U qua 02 lần cấp chênh lệch diện tích là 21,1 m² và bà U không có mua bán hay được ông T tặng cho phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 5,6 m² (ký hiệu 143d) nên ông T và bà B không đồng ý trả phần đất có diện tích 5,6 m² (ký hiệu 143d) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần đất này ông T cho bà B sử dụng vào năm 2016, trên phần đất tranh chấp có các tài sản của bà B gồm: 01 bồn chứa nước khoảng 2.000 lít; 01 bồn chứa nước 500 lít; 01 cây lá cách đã trồng lâu nhưng không nhớ năm nào; 01 chậu nguyệt quế; 01 chậu mai.

Nếu yêu cầu của gia đình bà U được Tòa án chấp nhận buộc ông T, bà B phải trả đất thì bà B sẽ tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất mà không có yêu cầu gia đình bà U bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra.

Nay bà đồng ý với kết quả đo đạc và định giá, bà không yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến trình bày tại văn bản số 3464/UBND-NC ngày 03/12/2020 như sau:

Qua thẩm tra, xác minh và kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận của bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B cấp ngày 04/02/2008, Ủy ban nhân dân huyện có một số ý kiến như sau:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận của bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B thuộc trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận, hồ sơ gồm có:

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/7/2006;
- Đơn khiếu nại ngày 20/12/2007;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị U ngày 24/5/1995 (cấp lần đầu);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B ngày 04/02/2008 (cấp đổi).

Sau khi xem xét quy trình cấp đổi giấy chứng nhận của bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B, Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy việc cấp đổi giấy chứng nhận là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết. Đồng thời, xem xét cho Ủy ban nhân dân huyện được vắng mặt trong các giai đoạn hòa giải, đối chất và xét xử tại Tòa án đối với trường hợp này.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N. Buộc ông Liêu Văn S và bà Lê Thị T có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản để trả lại một phần diện tích thửa số 143, tờ bản đồ số 15, được ký hiệu thửa 143a, diện tích 68,3 m² (Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 143, tờ bản đồ số 15 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 18/3/2021) và căn nhà gắn liền với phần đất trên tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu ông Liêu Văn S và bà Lê Thị T trả lại một phần diện tích thửa số 143 (ký hiệu thửa 143 diện tích 64,6 m², thửa 143b diện tích 5,0 m², thửa 143c diện tích 3,6 m²) tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu bà Bùi Thị B trả lại một phần đất thuộc thửa 143, tờ

bản đồ số 15 (ký hiệu thửa 143d, diện tích 5,6 m², hiện bà Bùi Thị B đang quản lý sử dụng), tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L. Buộc nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N giao cho bà L được quyền sử dụng phần đất thuộc một phần thửa 143, tờ bản đồ số 15 có ký hiệu: thửa 143 có diện tích 64,6 m²; thửa 143b có diện tích 5,0 m²; thửa 143c có diện tích 3,6 m², đất tọa lạc tại ấp K, xã Đ huyện T, tỉnh Bến Tre (Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 143, tờ bản đồ số 15 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 18/3/2021) và căn nhà gắn liền với phần đất trên;

5/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01250 do UBND huyện T cấp cho bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B ngày 04/02/2008.

6/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự tự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích thực tế được sử dụng theo bản án đã tuyên.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự nếu ai là người sửa chữa lại ngôi nhà trước người còn lại thì người đó có nghĩa vụ phải chừa lại trọn vẹn hàng cột giữa (hàng cột phân biệt giữa 02 căn nhà) cho người được sử dụng còn lại, nhưng diện tích cụ thể phải theo họa đồ hiện trạng đã đo vẽ thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2023, bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn;
- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N giữ nguyên quan điểm kháng cáo là yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn ông Liêu Văn S không đồng ý kháng cáo của bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ông Liêu Thành N, bà Huỳnh Thị Thuỳ G không đồng ý kháng cáo của bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của của bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 147,1 m², gồm các phần ký hiệu thửa 143a có diện tích 68,3 m²; thửa 143 có diện tích 64,6 m²; thửa 143b có diện tích 5,0 m²; thửa 143c có diện tích 3,6 m²; tờ bản đồ 15 tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (cha mẹ của bà T, bà L, bà U) để lại và phần thửa 143d, diện tích 5,6 m². Hiện ông Liêu Văn S, bà Lê Thị T đang quản lý thửa đất (ký hiệu 143, 143a, 143b, 143c), diện tích 141,5 m². Bà B đang quản lý và sử dụng thửa đất tranh chấp có diện tích 5,6 m² (ký hiệu 143d). Do đó nguyên đơn khởi kiện

yêu cầu phía bị đơn di dời đồ đạc có trong căn nhà để giao trả phần đất có diện tích 141,5 m² và yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B di dời tài sản, giao trả phần đất có diện tích 5,6 m² (ký hiệu 143d), thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thị L có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà Lê Thị U cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B (đã chết) gồm Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh N giao cho bà quyền sử dụng đất có diện tích 73,2 m² (ký hiệu thửa 143, 143b và 143c) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B ngày 04/02/2008.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B về việc yêu cầu bị đơn di dời đồ đạc có trong căn nhà để giao trả phần đất có diện tích 141,5 m².

[3.1] Phần đất tranh chấp do bà U đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/5/1995 và cấp đổi vào ngày 04/02/2008 do bà U và ông Nguyễn Thanh B đứng tên, có diện tích là 150,1 m² thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2017 của UBND xã Đ, bà U đã trình bày là đồng ý việc sang nhượng của bà L cho ông V về ½ căn nhà nêu trên, thay vì lập thủ tục tách thửa cho bà L, bà đồng ý tách ½ căn nhà trên cho ông V và đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan để ông V làm thủ tục tách thửa theo quy định. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên bà và chồng bà là ông Nguyễn Thanh B, nay ông B đã chết, vì vậy liên quan đến hàng thừa kế là các con, bà đồng ý giao ½ căn nhà cho ông V nhưng các con bà không đồng ý, nay bà L đã gửi đơn đến UBND xã giải quyết thì để chính quyền giải quyết, bà không đồng ý tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.... Đồng thời, biên bản hoà giải ngày 12/10/2017 bà U cho rằng, trước đây bà có biết bà L đã chuyển nhượng ½ căn nhà cho ông Liêu Hoàng V và trước đây là L có yêu cầu bà U tách quyền sử dụng cho ông V thay vì tách chia cho bà L. Thời điểm này bà có đồng ý giao quyền sử dụng đất trên cho ông V để làm thủ tục tách thửa, tuy nhiên theo quy định của nhà nước thì không thể tách do chiều ngang của thửa đất quá nhỏ nên không đủ điều kiện để tách thửa. Nay bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có chồng bà là ông Lê Thanh B cùng chủ sử dụng, hiện ông B đã chết, vì vậy nếu cắt thửa thì phải có sự đồng ý của các con của ông B theo quy định thừa kế. Vì các con của ông B không đồng ý nên bà không đồng ý cắt thửa đất này cho bà L.

[3.2] Lời trình bày của bà U phù hợp với lời khai của bà Lê Thị L và ông Liêu Văn S là bà L được cha mẹ bà cho một căn, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà L chỉ sinh sống một thời gian rồi về quê chồng ở tỉnh Kiên Giang để sinh sống, sau đó bà U đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận toàn bộ thửa đất tranh chấp trong đó có phần của bà L được cha mẹ cho nhưng bà L không hay biết. Bà L đã bán cho anh Liêu Hoàng V là con ông S, bà T. Hiện nay anh V sinh sống tại nước ngoài và giao cho ông S, bà T quản lý căn nhà này, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của bà Liêu Thị P, Nguyễn Văn T, Lê Văn H đều có ý kiến đất và căn nhà được ông H, bà H1 cho bà L một phần, cho bà U một phần.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, anh Liêu Thành N là người đại diện theo uỷ quyền của bà L có giao nộp chứng cứ là đoạn ghi âm, bản lượt giải đoạn ghi âm. Theo anh N đoạn ghi âm, bản lượt giải thể hiện nội dung: bà U thừa nhận căn nhà tranh chấp là của bà Lê Thị L. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 17/6/2022, Hội đồng xét xử có công khai chứng cứ này, các bên đã được nghe đoạn ghi âm trên, qua đó bà U và các con của bà U không thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà U nhưng không đưa ra chứng cứ để phản bác và không cung cấp mẫu giọng nói để Toà án thực hiện việc trưng cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm. Mặt khác, nội dung đoạn ghi âm phù hợp với nội dung bà U trình bày tại biên bản hoà giải ngày 01/12/2017, ngày 12/10/2017 của Uỷ ban nhân dân xã Đ nên Toà án sử dụng làm chứng cứ là phù hợp với Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Từ những nhận định trên có cơ sở xác định phần đất và nhà tranh chấp là của ông H, bà H1 đã cho bà L và bà U. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc ông Liêu Văn S và bà Lê Thị T có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản để trả lại một phần diện tích thửa số 143, tờ bản đồ số 15, được ký hiệu thửa 143a, diện tích 68,3 m² và căn nhà gắn liền với phần đất trên và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc yêu cầu ông Liêu Văn S và bà Lê Thị T trả lại một phần đất, ký hiệu thửa 143 diện tích 64,6 m², thửa 143b diện tích 5,0 m², thửa 143c diện tích 3,6 m², tờ bản đồ số 15, toạ lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B về việc buộc bà Bùi Thị B di dời tài sản và giao trả phần đất có diện tích 5,6 m² thuộc thửa số 143d, tờ bản đồ số 15, toạ lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Theo Công văn số: 784/UBND-KT ngày 12/11/2021; Công văn số 350/UBND-KT ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ và qua xác minh thực tế tại địa phương được biết: thửa đất số 143d (thuộc một phần thửa đất số 143), tờ bản đồ số 15, diện tích 5,6 m², tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre mà Bùi Thị B đang sử dụng - dữ liệu 299 thuộc một phần thửa đất số 828, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn T là chủ sử dụng đất và ông T được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 413 QSDĐ/174 QĐ- UB vào ngày 24/5/1995. Trước đó đặc 301 (Vlap) ông T có thỏa thuận cho bà U phần đất này hay không thì UBND xã Đ không biết; đến khi đo đạc 301 (Vlap) thì phần đất này đo bao trùm cho bà Lê Thị U thuộc một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng thì các bên đương sự đều thừa nhận ông T không có chuyển nhượng, tặng cho bà U phần đất này. Do đó, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có diện tích là 5,6 m² có nguồn gốc là của ông Bùi Văn T và ông T đã cho bà B sử dụng phần đất này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn về việc buộc bà Bùi Thị B trả lại một phần đất thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 15 (ký hiệu thửa 143d, diện tích 5,6 m²), tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre là có cơ sở.

[5] Xét về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

Như đã nhận định trên, phần đất có ký hiệu thửa 143 có diện tích 64,6 m²; thửa 143b có diện tích 5,0 m²; thửa 143c có diện tích 3,6 m², tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc là của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đã tặng cho bà Lê Thị L. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L. Buộc nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B giao cho bà L được quyền sử dụng một phần thửa 143, tờ bản đồ số 15, có ký hiệu thửa 143 có diện tích 64,6 m²; thửa 143b có diện tích 5,0 m²; thửa 143c có diện tích 3,6 m², tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và căn nhà gắn liền với phần đất trên. Đồng thời không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01250 do UBND huyện T cấp cho bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B ngày 04/02/2008 là có cơ sở.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, bà U, anh L, anh P, anh P, anh H, anh N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông/bà.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà U, anh L, anh P, anh P, anh H, anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà U là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các ông/bà sau:

1/ Bà Lê Thị U, sinh năm 1957;

2/ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980;

3/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983;

4/ Anh Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1988;

5/ Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992;

6/ Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, cụ thể tuyên,

Căn cứ các điều 26, 166, 170, 203 của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Liêu Văn S và bà Lê Thị T có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản để trả lại phần đất thuộc một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 15, được ký hiệu thửa 143a, diện tích 68,3 m² và căn nhà gắn liền với phần đất trên toạ lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu ông Liêu Văn S và bà Lê Thị T trả lại phần đất thuộc một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 15 (được ký hiệu thửa 143 diện tích 64,6 m², thửa 143b diện tích 5,0 m², thửa 143c diện

tích 3,6 m²) và căn nhà gắn liền với phần đất trên, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu bà Bùi Thị B di dời tài sản và trả lại phần đất thuộc một phần thửa 143, tờ bản đồ số 15 (được ký hiệu thửa 143d, diện tích 5,6 m², hiện bà Bùi Thị B đang quản lý sử dụng), tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L. Buộc nguyên đơn bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N giao cho bà L được quyền sử dụng phần đất thuộc một phần thửa 143, tờ bản đồ số 15 (được ký hiệu thửa 143 có diện tích 64,6 m²; thửa 143b có diện tích 5,0 m²; thửa 143c có diện tích 3,6m²) và căn nhà gắn liền thửa đất trên tọa lạc tại ấp K, xã Đ huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Kèm theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 143, tờ bản đồ số 15 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập ngày 18/3/2021)

5- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01250 do UBND huyện T cấp cho bà Lê Thị U và ông Nguyễn Thanh B ngày 04/02/2008.

Các đương sự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung bản án đã tuyên.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự nếu ai là người sửa chữa lại ngôi nhà trước người còn lại thì người đó có nghĩa vụ phải chừa lại trọn vẹn hàng cột giữa (hàng cột phân biệt giữa 02 căn nhà) cho người được sử dụng còn lại, nhưng diện tích cụ thể phải theo họa đồ hiện trạng đã đo vẽ thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

6- Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Liêu Văn S, bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả bà Lê Thị U và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh B là anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N là 1.871.500 (một triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm) đồng.

8- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị U được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

- Anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009548 ngày 20/4/2020 và đã nộp xong.

- Ông Liêu Văn S, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Thị U được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

- Anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh P1, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Thanh N mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0006923, 0006924, 0006925, 0006926, 0006927 cùng ngày 07/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Đạt

